

Số: 1010/QĐ-BVM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu thuốc Generic năm 2019

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc hướng dẫn quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/05/2016 của Bộ Y tế về Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 7097/QĐ-SYT ngày 28/12/2018 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Mắt thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định 3766/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Mắt;

Căn cứ Quyết định số 565/QĐ-BVM ngày 31/5/2019 về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu thuốc Generic năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-BVM ngày 06/8/2019 của Giám đốc Bệnh viện Mắt về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu thuốc Generic năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 931/QĐ-BVM ngày 16/8/2019 của Giám đốc Bệnh viện Mắt về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu thuốc Generic năm 2019;

Xét Tờ trình số 24/TTr-BVM-BMT ngày 22/8/2019 của Bên mời thầu về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc Generic năm 2019 và các hồ sơ tài liệu đính kèm;

Xét Báo cáo thẩm định số 06/BVM-TTĐ ngày 26/8/2019 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc Generic năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

ĐIỀU 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc Generic năm 2019 với các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Generic năm 2019.
2. Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán) và các nguồn thu hợp pháp khác.
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước.
4. Tổng giá trị trúng thầu: 57.500.432.080 VNĐ (*Năm mươi bảy tỷ năm trăm triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm tám mươi đồng*).
5. Tên nhà thầu và hàng hóa trúng thầu: Danh sách đính kèm.
6. Tên nhà thầu và hàng hóa không trúng thầu: Danh sách đính kèm.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

ĐIỀU 2. Bệnh viện Mắt có trách nhiệm:

- Tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất và kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.
- Ngay sau khi nhận được Quyết định này Khoa Dược phải thông báo kết quả đấu thầu đến các nhà thầu theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.
- Cùng với nhà thầu trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

ĐIỀU 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐIỀU 4. Trưởng các khoa phòng chức năng của Bệnh viện Mắt, Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định gói thầu thuốc Generic năm 2019 có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận

- Như điều 4;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, BMT.



Nguyễn Minh Khải





BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU (THEO TÊN NHÀ THẦU)

GÓI THẦU THUỐC GENERIC NĂM 2019

(Đính kèm Quyết định số 1010/QĐ-BVM ngày 28/8/2019 của Bệnh viện Mắt)

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
1 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2																	
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																	
1	65	40.81	Chlorpheniramin maleat	CLOPHENIRA MIN 4mg	Clopheniramin 4mg	VD-17373-12	4mg	Viên nén dài	Hộp 10vi x 20viên	Uống	viên	CTY CPDP 3/2	Việt Nam	56	4,800	268,800	
2	85	40.892	Tetracain	TETRACAIN 0,5%	Tetracain 0,5%	VD-31558-19	50mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 10ml	Nhỏ mắt	Chai	CTY CPDP 3/2	Việt Nam	15,015	9,700	145,645,500	
Số khoản: 2														Tổng cộng			145,914,300
2 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM																	
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																	
1	82	40.235	Ofloxacin	AGOFLOX	Agoflox	VD-24706-16	200mg	Viên nén bao phim	H/10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	270	105,000	28,350,000	
2	87	40.104 7	Retinyl acetat (Vitamin A)	AGIRENYL	Agirenyl	VD-14666-11	5000 IU	Viên nang	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	215	230,000	49,450,000	
Số khoản: 2														Tổng cộng			77,800,000
3 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN																	
Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																	
1	14	40.100 5	Kali clorid (Potassium chloride)	Kaldyum	Kaldyum	VN-15428-12	600 mg	Viên nang giải phóng chậm	Hộp 1 lọ 50 viên	Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	1,950	260,000	507,000,000	
Số khoản: 1														Tổng cộng			507,000,000
4 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA																	
Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																	
1	18	40.15	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	Paciflam	Paciflam	VN-19061-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	18,375	1,000	18,375,000	

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
2	26	40.832	Neostigmine metilsulfate	Neostigmine-hameln 0.5mg/ml injection	Neostigmine-hameln 0.5mg/ml injection	VN-15323-12	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	9,345	60	560,700	
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																	
3	77	40.102 1	Natri clorid	Sodium chloride 0,9%	Sodium chloride 0,9%	VD-24019-15	0,9% (0,9g/100ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	8,179	6,800	55,617,200	
4	84	40.102 6	Ringer lactat	Lactated Ringer's	Lactated Ringer's	VD-25377-16	Mỗi 500ml chứa: Calci clorid.2H2O 0,1g; Kali clorid 0,15g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1,55g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	8,594	40,000	343,760,000	
Số khoản: 4														Tổng cộng			418,312,900
5 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI																	
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																	
1	62	40.1	Atropin sulfat	Atropine-BFS	Atropine-BFS	VD-24588-16	0,25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống nhựa x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	475	120	57,000	
2	70	40.86	Epinephrin (Adrenalin)	Adrenaline-BFS 1mg	Adrenaline-BFS 1mg	VD-21546-14	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	1,890	10,000	18,900,000	
Nhóm 5: Thuốc không đáp ứng tiêu chí của các nhóm 1, 2, 3, 4																	
3	93	40.873	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)+ Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason dinatri phosphat)	Dexamoxi	Dexamoxi	VD-26542-17	5mg/ml + 1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 ống 5ml	Nhỏ mắt	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	21,945	46,000	1,009,470,000	
Số khoản: 3														Tổng cộng			1,028,427,000
6 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH																	
Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																	

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	5	40.854	Carbomer	Liposic Eye gel	Liposic Eye gel	VN-15471-12	0,2% (2mg/g)	Gel nhỏ mắt	Hộp 1 tuýp 10g	Nhỏ mắt	Tuýp	Dr. Gerhard Mann Chem - Pharm. fabrik GmbH	Đức	56,000	20,000	1,120,000,000
Số khoản: 1														Tổng cộng		1,120,000,000
7 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á																
Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	35	40.656	Povidon Iodin	Betadine Antiseptic Solution 10% w/v	Betadine Antiseptic Solution 10% w/v	VN-19506-15	10% kl/tt	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 chai 125 ml	Dùng ngoài	Chai/lọ	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	42,400	12,300	521,520,000
Số khoản: 1														Tổng cộng		521,520,000
8 CÔNG TY CP DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2																
Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	1		Aflibercept	Eylea vial 40mg/ml 1's	Eylea	QLSP-H02-1071-17	40mg/ml	Dung dịch tiêm nội nhãn	Hộp 1 lọ chứa 278 µl dung dịch tiêm có thể lấy ra được 100 µl và 1 kim tiêm	Tiêm trong dịch kính của mắt	Lọ	"Cơ sở sản xuất: Regeneron Pharmaceuticals Inc.;Cơ sở đóng gói sơ cấp: Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG;Cơ sở đóng gói thứ cấp & xuất xưởng: Bayer Pharma AG"	Mỹ; cơ sở đóng gói sơ cấp, thứ cấp & xuất xưởng: Đức	27,562,500	60	1,653,750,000
2	4	40.30.826	Brinzolamide + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	AZARGA 5ML 1'S	Azarga	VN-17810-14	10mg/ml + 5mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	s.a Alcon-Couvreur N.V	Bi	310,800	8,500	2,641,800,000
3	24	40.203	Dexamethasone Sulfate + Neomycin Sulfate + Polymycin B Sulfate	MAXITROL 5ML 1'S	Maxitrol	VN-21435-18	Mỗi ml hỗn dịch chứa: Dexamethason 1mg; Neomycin sulfat 3500IU; Polymyxin B sulfat 6000IU	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	s.a.Alcon-Couvreur n.v.	Bi	41,801	2,200	91,962,200

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
4	25	40.203	Dexamethasone + Neomycin sulphate + Polymycin B sulphate	MAXITROL OINT 3.5G 1'S	Maxitrol	VN-21925-19	Mỗi gram thuốc mỡ chứa: Dexamethason 1mg; Neomycin sulfat 3500IU; Polymyxin B sulfat 6000IU	Thuốc mỡ tra mắt	Hộp 1 tuýp 3,5g	Tra mắt	tuýp	s.a.Alcon-Couvreur n.v.	Bi	51,900	4,200	217,980,000
5	27	40.30.850	Nepafenac	NEVANAC 1MG/ML 5ML 1'S	Nevanac	VN-17217-13	1mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	S.A. Alcon Couvreur N.V.	Bi	153,000	1,700	260,100,000
6	28	40.102.5	Nhũ dịch lipid. (100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g)	Smoflipid 20% Inf 100ml 1's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	20%, 100ml	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	98,000	20	1,960,000
7	30	40.886	Olopatadine hydrochloride	PATADAY 0.2% 2.5ML 1'S	Pataday	VN-13472-11	0,2%	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 2,5ml	Nhỏ mắt	Chai	Alcon Research, Ltd.	Mỹ	131,100	2,000	262,200,000
8	38	40.21	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Fresofol 1% MCT/LCT	VN-17438-13	1%, 20ml	Nhũ tương để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 5 ống 20ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	32,500	1,500	48,750,000
9	39	40.891	Ranibizumab	Lucentis Inj. 1.65mg/0.165ml 1's	Lucentis	QLSP-1052-17	1,65mg/0,165ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn thuốc x 0,165ml	Tiêm	Bơm tiêm	Nhà sản xuất và đóng gói sơ cấp: Vetter Pharma- Fertigung GmbH & Co.KG; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Novartis Pharma Stein AG	Nhà sản xuất và đóng gói sơ cấp: Đức; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Thụy Sĩ	13,125,022	2,000	26,250,044,000

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
10	41	40.894	Mỗi ml dung dịch chứa: Timolol (dưới dạng Timolol maleat) 5mg	TIMOLOL MALEATE EYE DROPS 0.5% 5ML 1'S	Timolol Maleate Eye Drops 0.5%	VN-21434-18	5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ đếm giọt 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	s.a Alcon Couvreur NV	Bỉ	42,200	3,100	130,820,000
11	44	40.896	Travoprost	TRAVATAN 2.5ML 1'S	Travatan	VN-15190-12	0,04mg/ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2,5ml	Nhỏ mắt	Lọ	S.A. Alcon-Couvreur N.V	Bỉ	252,300	5,100	1,286,730,000
12	45	40.30.862	Travoprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	DUOTRAV 2.5ML 1'S	Duotrav	VN-16936-13	0,04mg/ml + 5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2,5ml	Nhỏ mắt	Lọ	S.A. Alcon Couvreur N.V.	Bỉ	320,000	4,700	1,504,000,000

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

13	56	40.836	Pyridostigmin bromid	Mestinon S.C Tab 60mg 150's	Mestinon S.C.	VN-20356-17	60mg	Viên bao đường	Hộp 1 lọ 150 viên	Uống	Viên	AUPA BIOPHARM CO., LTD.	Đài Loan	4,840	25,000	121,000,000
----	----	--------	----------------------	-----------------------------	---------------	-------------	------	----------------	-------------------	------	------	-------------------------	----------	-------	--------	-------------

Số khoản: 13

Tổng cộng

34,471,096,200

9 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LONG XUYỀN

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	88	40.1057	Vitamin C (Acid ascorbic)	Vitamin C - DNA	Vitamin C - DNA	VD-21945-14	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An	Việt Nam	170	188,000	31,960,000
---	----	---------	---------------------------	-----------------	-----------------	-------------	-------	-------------------	---------------------	------	------	--	----------	-----	---------	------------

Số khoản: 1

Tổng cộng

31,960,000

10 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN

Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	9	40.6	Fentanyl	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML	Fentanyl - Hameln 50mcg-ml	VN-17326-13	50mcg/ 1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	11,800	1,800	21,240,000
---	---	------	----------	----------------------------	----------------------------	-------------	------------	----------------	----------------	------	-----	-----------------------	-----	--------	-------	------------

Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

2	79	40.199	Neomycin sulfat	NEOCIN	Neocin	VD-12812-10	0,50%	Thuốc nhỏ mắt	Chai 5ml	Thuốc mũi	Chai	Công ty CPDP DL Pharmedic	Việt Nam	2,944	15,600	45,926,400
3	83	40.656	Povidon iodin	POVIDINE	Povidine	VD-17906-12	1g (5%)	Dung dịch dùng ngoài	hộp 1 lọ 20 ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty CPDP DL Pharmedic	Việt Nam	6,378	30,000	191,340,000

Số khoản: 3

Tổng cộng

258,506,400

11 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUY TÂN

Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	57	40.258	Vancomycin	Vaklona	Vaklona	VN-16156-13	500mg	Bột pha tiêm	Hộp 25 lọ x 500mg Vancomycin	Tiêm	Lọ	Klona S.R.L.	Argentina	50,988	1,000	50,988,000
Số khoản: 1													Tổng cộng		50,988,000	
12 CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA																
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	73	40.12	Lidocain HCl	Lidocain Kabi 2%	Lidocain Kabi 2%	VD-18804-13	2% (400mg/20ml)	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 20ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định	Việt Nam	14,280	30,000	428,400,000
2	78	40.1021	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	Natri clorid 0,9%	VD-21954-14	0,9% (0,9g/100ml)	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	7,560	2,000	15,120,000
Số khoản: 2													Tổng cộng		443,520,000	
14 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY																
Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	32	40.576	Piracetam	Pracetam 800	Pracetam 800	VD-18538-13	800mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	1,300	230,000	299,000,000
Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
2	46	40.260	Acyclovir	Acyclovir Stada 200mg	Acyclovir Stada 200mg	VD-26553-17	200mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 5 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	1,200	18,000	21,600,000
3	48	40.260	Acyclovir	Acyclovir Stada 400mg	Acyclovir Stada 400mg	VD-21528-14	400mg	Viên nén	Hộp 7 vỉ x 5 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	2,000	10,000	20,000,000
4	49	40.67	Alphachymotrypsin (tương ứng 4.200 IU Chymotrypsin USP) 4,2mg	Statripsine	Statripsine	VD-21117-14	4,2mg	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	1,180	900,000	1,062,000,000
5	54	40.292	Itraconazol (dưới dạng Itraconazol vi hạt 22%) 100 mg	Itranstad	Itranstad	VD-22671-15	100mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 6 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	6,500	50,000	325,000,000
6	55	40.48	Paracetamol	Partamol 325	Partamol 325	VD-21536-14	325mg	Viên nén	Hộp 01 chai x 200 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	195	6,400	1,248,000

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)		
7	58	40.1050	Thiamin nitrat (vitamin B1) + Pyridoxin HCL (vitamin B6) + Cyanocobalamin (vitamin B12)	Scanneuron	Scanneuron	VD-22677-15	100mg + 200mg + 200mcg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	1,100	40,000	44,000,000		
8	59	40.1055	Pyridoxine HCl (Vitamin B6) + Magnesi lactat dihydrat	Mangistad	Mangistad	VD-23355-15	5mg + 470mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 5 vi x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	780	160,000	124,800,000		
Nhóm 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố																		
9	90	40.260	Acyclovir	Acyclovir Stada 800mg	Acyclovir Stada 800mg	VD-23346-15	800mg	Viên nén	Hộp 7 vi x 5 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	4,000	16,000	64,000,000		
Số khoản: 9														Tổng cộng			1,961,648,000	
15 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR																		
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																		
1	64	40.161	Cefaclor	Mekocefalor	Mekocefalor	VD-27284-17	125mg	Thuốc bột uống	Hộp 12 gói x 2g	Uống	Gói	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	1,950	8,000	15,600,000		
2	80	40.1028	Nước cất pha tiêm	Nước vô khuẩn MKP	Nước vô khuẩn MKP	VD-29329-18		Dung môi pha tiêm	Chai 1000ml	Tiêm	Chai	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	17,500	3,400	59,500,000		
Số khoản: 2														Tổng cộng			75,100,000	
17 CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA																		
Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																		
1	53	40.566	Dịch chiết lá bạch quả (tương đương 9,6mg flavonoid toàn phần) 40mg	Ginkokup 40	Ginkokup 40 (CSNQ: Korea United Pharm. Inc - Địa chỉ: 25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-Myeon, Sejong-si, Korea)	VD-27294-17	40 mg	Viên nang mềm	Hộp 2 túi nhôm x 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int 1	Việt Nam	2,600	24,000	62,400,000		
Số khoản: 1														Tổng cộng			62,400,000	
20 CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO																		
Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																		

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)		
1	51	40.163	Cefalexin	CEPHALEXIN PMP 250	Cephalexin PMP 250	VD-24429-16	250mg	Viên nang cứng	Hộp 10vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	882	17,000	14,994,000		
2	52	40.163	Cefalexin	CEPHALEXIN PMP 500	Cephalexin PMP 500	VD-24430-16	500mg	Viên nang cứng	Hộp 10vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	1,500	450,000	675,000,000		
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																		
3	89	40.106 1	Vitamin E (DL-alpha-Tocopheryl acetat)	VITAMIN E 400	Vitamin E 400	VD-22617-15	400IU	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	490	75,000	36,750,000		
Số khoản: 3														Tổng cộng			726,744,000	
21 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT																		
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																		
1	63	40.103 3	Calci carbonat 750mg + Cholecalciferol 100 IU (Vitamin D3)	Calsid 1250	Calsid 1250	VD-9759-09	750mg + 100 IU	Viên nang mềm	Hộp 20 vi x 5 viên	Uống	viên	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	900	39,000	35,100,000		
Số khoản: 1														Tổng cộng			35,100,000	
23 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI																		
Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																		
1	50	40.281	Amphotericin B	AMPHOTRET	Amphotret	VN-18166-14	50mg	Bột đông khô pha tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	Bharat Serums And Vaccines Ltd	India	168,000	400	67,200,000		
Số khoản: 1														Tổng cộng			67,200,000	
25 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ																		
Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																		
1	17	40.12	Lidocain	LIDOCAIN	Lidocain	VN-20499-17	10%, 38g	Thuốc phun mù	Hộp 1 lọ 38g	Phun mù	Lọ	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	159,000	10	1,590,000		
Số khoản: 1														Tổng cộng			1,590,000	
26 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX																		
Nhóm 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																		
1	47	40.260	Aciclovir	HERPACY Ophthalmic Ointment	HERPACY Ophthalmic Ointment	VN-18449-14	3% (30mg)	Thuốc mỡ tra mắt	Hộp 1 tuýp 3,5g	Tra mắt	Tuýp	Samil Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	79,000	2,000	158,000,000		
Số khoản: 1														Tổng cộng			158,000,000	

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
27	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG															
Nhóm 1: - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia; - Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	3	40.851	Brimonidin Tartrat	Alphagan P	Alphagan P	VN-18592-15	7,5mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Allergan Sales, LLC	Mỹ	103,335	6,300	651,010,500
2	6	40.828	Clostridium botulinum type A toxin - Haemagglutinin complex	Dysport 500U B/1	Dysport	QLSP-1016-17	500U	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharm Limited	Anh	6,627,920	540	3,579,076,800
3	11	40.771	Fluorometholone	FML Liquifilm	FML Liquifilm	VN-15193-12	0,1%	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	27,900	15,000	418,500,000
4	15	40.39	Ketorolac tromethamine	Acuvail	Acuvail	VN-15194-12	4,5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 30 ống x 0,4ml	Nhỏ mắt	Ống	Allergan Sales, LLC	Mỹ	7,400	99,900	739,260,000
5	16	40.39	Ketorolac tromethamine	Acular	Acular	VN-18806-15	0,5%	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	67,245	400	26,898,000
6	20	40.876	Natri Carboxymethyl cellulose	Refresh Tears	Refresh Tears	VN-19386-15	0,5%	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	Nhỏ mắt	Lọ	Allergan Sales, LLC	Mỹ	64,102	12,000	769,224,000
7	21	40.876	Natri carboxymethylcellulose (Carboxymethyl cellulose Sodium)	Refresh Liquigel	Refresh Liquigel	VN-14430-12	10mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	Nhỏ mắt	Lọ	Allergan Sales, LLC	Mỹ	78,540	9,500	746,130,000
8	22	40.30.846	Carboxymethylcellulose natri (medium viscosity) + Carboxymethylcellulose (high viscosity) + Glycerin	Optive UD	Optive UD	VN-17634-14	3,25mg + 1,75mg + 9mg	Dung dịch làm trơn mắt	Hộp 30 ống đơn liều 0,4ml	Nhỏ mắt	Ống	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	6,200	300,000	1,860,000,000
9	23	40.30.846	Natri carboxymethylcellulose + Glycerin	Optive	Optive	VN-20127-16	5mg/ml + 9mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 15ml	Nhỏ mắt	Lọ	Allergan Sales, LLC	Mỹ	82,850	8,500	704,225,000

STT	STT trong HSMT	STT TT30 /BYT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
10	29	40.518	Nicardipin hydroclorid	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml	VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 10ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	124,999	20	2,499,980
11	33	40.890	Polyethylene glycol 400 + Propylene glycol	Systane Ultra UD 0.5ml	Systane Ultra UD	VN-17216-13	0,4% + 0,3%	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 24 lọ 0,5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Kaysersberg Pharmaceuticals	Pháp	5,792	288,000	1,668,096,000
12	34	40.890	Polyethylene glycol 400 + Propylene glycol	Systane Ultra Drop 5ml	Systane Ultra	VN-19762-16	0,4% + 0,3%	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Alcon Research, Ltd.	Mỹ	60,100	10,000	601,000,000
13	36	40.776	Prednisolon acetat	Pred Forte	Pred Forte	VN-14893-12	1% w/v (10mg/ml)	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 5ml	Nhỏ mắt	Chai	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	31,762	77,000	2,445,674,000
14	37	40.20	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Proparacain hydroclorid	Alcaine Drop 0.5% BT/15 ml	Alcaine 0,5%	VN-21093-18	5mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	Nhỏ mắt	Lọ	SA Alcon-Couvreur NV	Bi	39,380	3,000	118,140,000
15	43	40.207	Mỗi gram chứa: Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex Oint 0.3%; 0.1% 3.5g	Tobradex	VN-21629-18	3mg + 1mg	Mỡ tra mắt	Hộp 1 tuýp 3,5g	Tra mắt	Tuýp	S.A Alcon-Couvreur N.V	Bi	52,301	12,000	627,612,000
Nhóm 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
16	72	40.101 5	100ml dung dịch chứa: Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat 5,5g) 5g	Glucose 5% 100ml	Dịch truyền tĩnh mạch Glucose 5%	VD-29433-18	5g (5% x 100ml)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai nhựa 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	8,190	1,100	9,009,000
Nhóm 5: Thuốc không đáp ứng tiêu chí của các nhóm 1, 2, 3, 4																
17	94	40.898	Tropicamide + Phenylephrine HCL	Mydrin-P 10ML B/1 (Japan)	Mydrin-P	VN-21339-18	50mg + 50mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10ml	Nhỏ mắt	Lọ	Santen Pharmaceutical Co., Ltd – Nhà máy Shiga	Nhật Bản	67,500	5,500	371,250,000
Số khoản: 17														Tổng cộng		
														15,337,605,280		

Tổng số sản phẩm trúng thầu:

70

Tổng giá trị trúng thầu:

57,500,432,080

Số tiền bằng chữ:

Năm mươi bảy tỷ năm trăm triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm tám mươi đồng



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG TRÚNG THẦU GÓI THẦU THUỐC GENERIC NĂM 2019

(Đính kèm Quyết định số 1010/QĐ-BVM ngày 28/8/2019 của Bệnh viện Mắt)

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM														
1	88	Acid ascorbic	AGI-VITAC		VD-24705-16	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	H/10 vỉ x 10 viên	XẾP HẠNG 3
4 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA														
1	9	Fentanyl (dưới dạng fentanyl citrat)	Fenilham		VN-17888-14	50mcg/ml	Thuốc tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 2ml	GIÁ CAO HƠN GIÁ KẾ HOẠCH
6 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH														
1	13	Indomethacin	Indocollyre		VN-12548-11	0,1%	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ 5 ml	Nhỏ mắt	Lọ	Laboratoire Chauvin	Pháp	Hộp/ 1 lọ 5ml	GIÁ CAO HƠN GIÁ KẾ HOẠCH
8 CÔNG TY CP DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2														
1	11	Fluorometholone acetate	FLAREX 1MG/ML 5ML 1'S		VN-19381-15	1 mg/ml	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	s.a Alcon Couvreur N.V	Bỉ	Hộp 1 lọ đếm giọt Droptainer 5 ml	GIÁ CAO HƠN GIÁ KẾ HOẠCH
2	32	Piracetam	Nootropil Tab 800mg 3x15's		VN-17717-14	800mg	Viên		Uống	Viên	UCB Pharma SA	Bỉ	Hộp 3 vỉ x 15 viên	GIÁ CAO HƠN GIÁ KẾ HOẠCH
3	38	Propofol	Diprivan Inj 20ml 5's		VN-15720-12	10mg/ml	Thuốc tiêm dạng MCT/LC T	Lọ/Ống 20ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	Corden Pharma S.P.A; đóng gói AstraZeneca UK Ltd.	Ý, đóng gói Anh	Hộp chứa 5 ống x 20ml	GIÁ CAO HƠN GIÁ KẾ HOẠCH
4	58	Vit. B1: 100mg, B6: 200mg, B12: 200mcg	Neurobion Tab 5x 10's		VN-20021-16	Vit. B1: 100mg, B6: 200mg, B12: 200mcg	Viên		Uống	Viên	PT Merck Tbk	Indonesia	Hộp 5 vỉ x 10 viên	GIÁ CAO HƠN GIÁ KẾ HOẠCH



STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
5	93	Mỗi ml dung dịch chứa: Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid); Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason dinatri phosphat)	Vigadexa 5ml 1's		VN-21092-18	5mg/ml + 1mg/ml	Thuốc nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Novartis Biociências S.A.	Brazil	Hộp 1 lọ 5ml	XẾP HẠNG 2
10 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN														
1	18	Midazolam	MIDAZOLAM - HAMELN 5MG/ML		VN-16993-13	5mg/ ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 1 ml	XẾP HẠNG 2
2	54	Itraconazole	EZSOL TABLET	ESZOL TABLET	VN-17639-14	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Kusum Healthcare Pvt. Ltd	India	Hộp 1 vỉ x 10 viên	XẾP HẠNG 3
3	60	Acetazolamid	ACETAZOLAMID		VD-27844-17	250mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP DL Pharmedic	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	GIÁ CAO HƠN GIÁ KẾ HOẠCH
4	87	Vitamin A	VITAMIN A 5000 IU		VD-20160-13	5.000 IU	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9- Nadyphar	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	GIÁ CAO HƠN GIÁ KẾ HOẠCH
12 CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA														
3														
1	72	Glucose khan	Glucose 5%		VD-28252-17	5%	Thuốc tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa 100ml	XẾP HẠNG 2
2	77	Natri clorid	Natri clorid 0,9%		VD-21954-14	0,9%	Thuốc tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa 500ml	XẾP HẠNG 2
3	84	Ringer lactat	Ringer lactate		VD-22591-15		Thuốc tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa 500ml	XẾP HẠNG 2
13 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP														
1	54	Itraconazol	Spulit		VN-19599-16	100mg	Viên nang		Uống	Viên	S.C.Slavia Pharm S.R.L	Romania	Hộp 6 vỉ x 5 viên	XẾP HẠNG 4
15 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR														
1	77	Natri chlorid	Sodium Chloride 0,9%		VD-24415-16	0,9g/100 ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Thùng 20 chai x 500ml	XẾP HẠNG 3

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	78	Natri chlorid	Sodium Chloride 0,9%		VD-24415-16	0,9g/100 ml	Thuốc tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Thùng 48 chai x 100ml	XẾP HẠNG 2
3	82	Ofloxacin	Ofloxacin 200mg		VD-32149-19	200mg	Viên		Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 10vi x 10 viên nén bao	XẾP HẠNG 2
4	84	Sodium chloride, potassium chloride, calcium chlorid dihydrat, sodium lactat	Lactate Ringer		VD-16087-11	500ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Thùng 20 chai nhựa 500ml	XẾP HẠNG 4
5	88	Acid ascorbic	Vitamin C MKP 500		VD-30693-18	500mg	Viên		Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 20vi x 10 viên nén bao	XẾP HẠNG 2
16 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ														
1	53	Ginkgo biloba	Gintecin Film - coated tablets		VN-17586-13	40 mg	Viên		Uống	Viên	Siu Guan Chem Ind Co.,Ltd	Taiwan	Hộp 6 vĩ x 10 viên	BỊ LOẠI: Cam kết về hạn dùng không đúng với yêu cầu của HSMT
19 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC														
1	79	Neomycin sulfat	NEOCIN		VD-12812-10	0,5%	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ 5ml	Nhỏ mắt	Chai/lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Hộp 1 chai 5ml	XẾP HẠNG 2
2	82	Ofloxacin	OXAFAR		VD-27850-17	200mg	Viên		Uống	viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Hộp 3 vĩ x 10 viên	XẾP HẠNG 3
22 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂM NHẤT														
1	64	Cefaclor	Cefaclor 125mg		VD-29262-18	125 mg	Thuốc bột/cốm		Uống	Gói	Spharma	Việt Nam	Hộp 100gói	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
2	65	Chlopheniramin maleat	Chlorpheniramin Maleat 4mg		VD-29267-18	4mg	Viên		Uống	viên	Spharma	Việt Nam	Hộp 50 vĩ x 18 viên	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
3	82	Ofloxacin	Ofloxacin		VD-13245-10	200mg	Viên		Uống	Viên	Spharma	Việt Nam	Hộp 50 vĩ x 10 viên	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
4	88	Vitamin C	Vitamin C 500mg		VD-14646-11	500mg	Viên		Uống	Viên	Spharma	Việt Nam	Hộp 50 vĩ x 10 viên	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
23 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI														
1	53	Cao ginkgo biloba (Dưới dạng ginkgo biloba phytosome)	GILOBA		VN-20891-18	40mg	Viên		Uống	Viên	Mega Lifesciences Public Company Limited.	Thailand	Hộp 3 vĩ x 10 viên	XẾP HẠNG 2
24 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA														

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	64	Cefaclor	CEFACLOVID 125		VD-21373-14	125mg	Thuốc bột/cốm		Uống	Gói	Vidipha	Việt Nam	Hộp 12 gói 3g	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
2	69	Diclofenac	VIFAREN		VD-29189-18	50mg	Viên		Uống	Viên	Vidipha	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
3	75	Naphazolin	RHYNIXSOL		VD-21379-14	0,05%	Thuốc nhỏ mũi	Chai/Lọ 15ml	Nhỏ mũi	Chai	Vidipha	Việt Nam	Hộp 1 chai 15ml	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
4	81	Ofloxacin	VIFLOXACOL		VD-19493-13	0,3%	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ 5 ml	Nhỏ mắt	Chai	Vidipha	Việt Nam	Hộp 1 chai 5ml	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
5	88	Vitamin C	VITAMIN C 500mg		VD-17981-12	500mg	Viên		Uống	Viên	Vidipha	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	BỊ LOẠI : Cam kết hạn dùng thuốc giao không phù hợp với yêu cầu của HSMT
25 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ														
1	32	Piracetam	PIRACETAM-EGIS		VN-16482-13	800mg	Viên		Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	H/1 lọ 30 viên	XẾP HẠNG 2
2	54	Itraconazol	VIÊN NANG KUPITRAL		VN-17491-13	100mg	Viên		Uống	Viên	Korea United Pharm. Inc.	Hàn Quốc	H/3 vỉ x 10 viên	XẾP HẠNG 2
27 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG														
1	7	Dexamethason	Ozurdex		VN-17817-14	700mcg/implant	Implant tiêm trong dịch kính		Tiêm	Hộp	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Hộp 1 gói chứa 1 dụng cụ tiêm dùng 1 lần và 1 que cấy	BỊ LOẠI : SDK hết hạn 12/6/2019 Số lượng tồn kho : 15 hộp, tr. 17. Dự thầu: 30
2	38	Propofol	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml)		VN-5720-10	10mg/ml	Nhũ tương để tiêm	Lọ/Ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	Ống 20ml	XẾP HẠNG 2
3	54	Itraconazole	Sporal 100mg Cap B/4		VN-20785-17	100mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	OLIC (Thailand) Limited	Thái Lan	Hộp 1 vỉ x 4 viên nang	XẾP HẠNG 5
4	84	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 3g + Natri lactat 1,56g + Kali clorid 0,2g + Calci clorid. 2H2O 0,135g	Ringer Lactat 500ml		VD-30059-18	500ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	XẾP HẠNG 3